

Số: 108/KH-SGDĐT

Ninh Bình, ngày 02 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, tỉnh Ninh Bình năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BGDĐT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 31/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định phân cấp, quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, các hội quán chúng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình và giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026; Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 11/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc điều chỉnh tạm giao số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026;

Căn cứ Công văn số 1924/UBND-VP7 ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức giáo dục trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các văn bản tạm giao số lượng người làm việc (viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã, tỉnh Ninh Bình;

Xét đề xuất nhu cầu tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở GDĐT, các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND cấp xã, tỉnh Ninh Bình năm 2026;

Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở GDĐT, các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND cấp xã, tỉnh Ninh Bình năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

1. Mục đích

Tuyển dụng để bổ sung giáo viên cho các đơn vị trong ngành giáo dục và đào tạo những người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm tiêu chuẩn nghiệp vụ, vị trí việc làm tuyển dụng và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, công tác được giao, bảo đảm số lượng, cơ cấu, chức danh, vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở GDĐT và các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND cấp xã, tỉnh Ninh Bình.

2. Yêu cầu, nguyên tắc tuyển dụng

- Việc tuyển dụng phải căn cứ vào số lượng người làm việc được giao năm 2026; cơ cấu, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và nhu cầu công việc, vị trí việc làm tuyển dụng.

- Tổ chức tuyển dụng viên chức phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, bảo đảm tính cạnh tranh, chất lượng và đúng quy định

của Nghị quyết số 248/2025/QH15, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, Nghị định số 93/2026/NĐ-CP, Thông tư số 001/2025/TT-BNV, Thông tư số 01/2026/TT-BGDĐT và các quy định khác có liên quan.

II. CHỈ TIÊU, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

1. Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên

Số lượng người làm việc được phân bổ cho các trường có thực hiện tuyển dụng như sau:

- Mầm non: tổng số trường thực hiện tuyển dụng: 298 trường; số người làm việc được giao (viên chức): 11.483 chỉ tiêu người làm việc; số viên chức có mặt: 10.539; số chỉ tiêu (viên chức) chưa sử dụng: 944; số chỉ tiêu tuyển dụng viên chức giáo viên: **601**.

- Tiểu học: tổng số trường thực hiện tuyển dụng: 332 trường; số người làm việc được giao (viên chức): 11.920 chỉ tiêu người làm việc; số viên chức có mặt: 10.831; số chỉ tiêu (viên chức) chưa sử dụng: 1.089; số chỉ tiêu tuyển dụng viên chức giáo viên: **676**.

- Trung học cơ sở: tổng số trường thực hiện tuyển dụng: 225 trường; số người làm việc được giao (viên chức): 7.744 chỉ tiêu người làm việc; số viên chức có mặt: 7.179; số chỉ tiêu (viên chức) chưa sử dụng: 565; số chỉ tiêu tuyển dụng viên chức giáo viên: **387**.

- Trung học phổ thông: tổng số trường thực hiện tuyển dụng: 44 trường; số người làm việc được giao (viên chức): 2.829 chỉ tiêu người làm việc; số viên chức có mặt: 2.740; số chỉ tiêu (viên chức) chưa sử dụng: 89; số chỉ tiêu tuyển dụng viên chức giáo viên: **76**.

- Trung tâm công lập thuộc Sở GDĐT: tổng số Trung tâm thực hiện tuyển dụng: 18 trung tâm; số người làm việc được giao (viên chức): 574 chỉ tiêu người làm việc; số viên chức có mặt: 507; số chỉ tiêu (viên chức) chưa sử dụng: 67; Số chỉ tiêu tuyển dụng viên chức giáo viên: **49**.

Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên: **1.789 chỉ tiêu**. Trong đó:

STT	Vị trí việc làm tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển dụng
1	Giáo viên mầm non hạng III (Mã số V.07.02.26)	601
2	Giáo viên tiểu học hạng III (Mã số V.07.03.29)	676
2.1	Giáo viên (GV) dạy các môn Văn hóa	437
2.2	GV dạy môn Tiếng Anh	106
2.3	GV dạy môn Tin học và Công nghệ	53
2.4	GV dạy môn Giáo dục thể chất	35
2.5	GV dạy môn Âm nhạc	28
2.6	GV dạy môn Mỹ thuật	17

3	Giáo viên trung học cơ sở hạng III (Mã số V.07.04.32)	387
3.1	GV dạy môn Ngữ văn	66
3.2	GV dạy môn Toán	104
3.3	GV dạy môn Tiếng Anh	49
3.4	GV dạy môn Giáo dục công dân	7
3.5	GV dạy môn Lịch sử và Địa lí	38
3.6	GV dạy môn Khoa học tự nhiên	37
3.7	GV dạy môn Công nghệ	8
3.8	GV dạy môn Tin học	22
3.9	GV dạy môn Giáo dục thể chất	22
3.10	GV dạy môn Âm nhạc	17
3.11	GV dạy môn Mỹ thuật	17
4	Giáo viên trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15)	76
4.1	GV dạy môn Ngữ văn	14
4.2	GV dạy môn Toán	11
4.3	GV dạy môn Tiếng Anh	11
4.4	GV dạy môn Lịch sử	10
4.5	GV dạy môn Giáo dục thể chất	6
4.6	GV dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	8
4.7	GV dạy môn Địa lí	6
4.8	GV dạy môn Sinh học	1
4.9	GV dạy môn Công nghệ	1
4.10	GV dạy môn Tin học	2
4.11	GV dạy môn Âm nhạc	3
4.12	GV dạy môn Mỹ thuật	1
4.13	GV dạy môn Tiếng Pháp	1
4.14	GV dạy môn Tiếng Nga	1
5	Giáo viên giáo dục thường xuyên hạng III (Mã số V.07.05.18)	49
5.1	GV dạy môn Ngữ văn	7
5.2	GV dạy môn Toán	13
5.3	GV dạy môn Tiếng Anh	1
5.4	GV dạy môn Lịch sử	6
5.5	GV dạy môn Giáo dục thể chất	1
5.6	GV dạy môn Địa lí	6
5.7	GV dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	4
5.8	GV dạy môn Vật lí	4
5.9	GV dạy môn Hóa học	2
5.10	GV dạy môn Sinh học	5

(chi tiết tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 theo cấp học kèm theo)

2. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển ở từng vị trí việc làm

2.1. Điều kiện chung

Người có đủ các điều kiện sau đây, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, về năng lực số, năng lực ngoại ngữ

a) Vị trí việc làm Giáo viên mầm non hạng III - Mã số V.07.02.26

(i) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên mầm non;

(ii) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

Tại thời điểm tuyển dụng chưa bắt buộc phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Được áp dụng quy định chuyển tiếp theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng của giáo viên mầm non hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non được cấp trước ngày 31/12/2026 theo quy định của pháp luật được xác định là tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và được xác định đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

- Trường hợp tại thời điểm trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng, giáo viên chưa có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non có hiệu lực thi hành.

(iii) Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí việc làm.

b) Vị trí việc làm Giáo viên tiểu học hạng III - Mã số V.07.03.29

(i) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học, trừ trường hợp quy định tại điểm (ii), điểm (iii) dưới đây;

(ii) Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất phải có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng

cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tiểu học;

(iii) Giáo viên giảng dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), môn Ngoại ngữ, môn Tin học và Công nghệ phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP (*Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy môn Mĩ thuật, môn Âm nhạc, môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), môn Ngoại ngữ cấp tiểu học, môn Tin học và Công nghệ cấp tiểu học: có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học đặc thù hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo phù hợp với môn học đặc thù và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tiểu học*). Sau khi được tuyển dụng, nhà giáo phải tham gia đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo tương ứng với cấp học, trình độ đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo theo kế hoạch của địa phương và cơ sở giáo dục;

(iv) Một số trường hợp được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đối với giáo viên tiểu học, bao gồm:

- Giáo viên giảng dạy môn Tin học và Công nghệ có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Tin học hoặc Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Tin học, Công nghệ, Kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật công nghiệp. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành;

- Giáo viên giảng dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật) có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Nghệ thuật hoặc Âm nhạc hoặc Mĩ thuật hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.

(v) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học

Tại thời điểm tuyển dụng chưa bắt buộc phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Được áp dụng quy định chuyển tiếp theo hướng dẫn tại Điều 16 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng của giáo viên tiểu học hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học được cấp trước ngày 31/12/2026 theo quy định của pháp luật được xác định là tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và được xác định đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học;

- Trường hợp tại thời điểm trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng, giáo viên chưa có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học trong thời hạn 12

tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học có hiệu lực thi hành.

(vi) Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí việc làm.

— **c) Vị trí việc làm Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32**

(i) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở; trừ trường hợp quy định tại điểm (ii) dưới đây;

(ii) Giáo viên dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật) phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP (*Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy môn Mĩ thuật, môn Âm nhạc, môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), môn Tin học và Công nghệ cấp trung học cơ sở: có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học đặc thù hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo phù hợp với môn học đặc thù và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở*). Sau khi được tuyển dụng, nhà giáo phải tham gia đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo tương ứng với cấp học, trình độ đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo theo kế hoạch của địa phương và cơ sở giáo dục;

(iii) Một số trường hợp giáo viên được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở, bao gồm:

- Giáo viên giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Lịch sử và Địa lí hoặc Lịch sử hoặc Địa lí hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Lịch sử, Địa lí. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Lịch sử hoặc Địa lí hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Lịch sử và Địa lí, Lịch sử, Địa lí thì phải có Chứng chỉ bồi dưỡng: “*Hoàn thành chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lí*”. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành;

- Giáo viên giảng dạy môn Khoa học tự nhiên có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Khoa học tự nhiên hoặc Vật lí hoặc Hóa học hoặc Sinh học hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Khoa học tự nhiên, Vật lí, Hóa học, Sinh học. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Vật lí hoặc Hóa học hoặc Sinh học hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Khoa học tự nhiên, Vật lí, Hóa học, Sinh học thì phải có Chứng chỉ bồi dưỡng: “*Hoàn thành chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên*”. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành;

- Giáo viên giảng dạy môn Công nghệ có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Công nghệ, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành;

- Giáo viên giảng dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật) có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Nghệ thuật hoặc Âm nhạc hoặc Mĩ thuật hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành;

(iv) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở

Tại thời điểm tuyển dụng chưa bắt buộc phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở. Được áp dụng quy định chuyển tiếp theo hướng dẫn tại Điều 16 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng của giáo viên trung học cơ sở hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở được cấp trước ngày 31/12/2026 theo quy định của pháp luật được xác định là tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở và được xác định đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở;

- Trường hợp tại thời điểm trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng, giáo viên chưa có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở có hiệu lực thi hành.

(v) Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí việc làm.

d) Vị trí việc làm Giáo viên trung học phổ thông hạng III - Mã số V.07.05.15

(i) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông; trừ trường hợp quy định tại điểm (ii) dưới đây;

(ii) Giáo viên dạy môn Âm nhạc, môn Mĩ thuật phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số

93/2026/NĐ-CP (Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy môn Mỹ thuật, môn Âm nhạc, môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), môn Tin học và Công nghệ cấp trung học phổ thông: có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học đặc thù hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo phù hợp với môn học đặc thù và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông). Sau khi được tuyển dụng, nhà giáo phải tham gia đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo tương ứng với cấp học, trình độ đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo theo kế hoạch của địa phương và cơ sở giáo dục;

(iii) Một số trường hợp được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đối với giáo viên trung học phổ thông: Giáo viên giảng dạy môn Công nghệ có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Công nghệ, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành;

(iv) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông

Tại thời điểm tuyển dụng chưa bắt buộc phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông. Được áp dụng quy định chuyển tiếp theo hướng dẫn tại Điều 16 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng của giáo viên trung học phổ thông hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông được cấp trước ngày 31/12/2026 theo quy định của pháp luật được xác định là tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông và được xác định đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông;

- Trường hợp tại thời điểm trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng, giáo viên chưa có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông có hiệu lực thi hành.

(v) Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí việc làm.

d) Vị trí việc làm Giáo viên giáo dục thường xuyên hạng III - Mã số V.07.05.18

(i) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy; hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với

môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

(ii) Một số trường hợp được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đối với giáo viên giáo dục thường xuyên, bao gồm:

- Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trong Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Giáo dục Công dân hoặc Giáo dục Chính trị; hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông thì được xác định là đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên giáo dục thường xuyên;

- Bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp quy định tại tiêu chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên giáo dục thường xuyên được xác định là bằng cử nhân chuyên ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng cử nhân chuyên ngành không thuộc ngành đào tạo giáo viên mà trong chương trình đào tạo của chuyên ngành đó có các môn học hoặc học phần (thuộc khối kiến thức chuyên ngành) bảo đảm yêu cầu giảng dạy môn học cụ thể trong Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông. Giám đốc Sở GDĐT quyết định hoặc phối hợp với cơ sở đào tạo (nơi cấp bằng) để xác định tính phù hợp của bằng cử nhân với môn học cụ thể trong chương trình giáo dục thường xuyên;

(iii) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên

Tại thời điểm tuyển dụng chưa bắt buộc phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên. Được áp dụng điều khoản chuyển tiếp theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 23/2026/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng của giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông được cấp trước ngày 31/12/2026 theo quy định của pháp luật được xác định tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên và được xác định đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên.

- Trường hợp tại thời điểm trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng, giáo viên chưa có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên có hiệu lực thi hành.

(iv) Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ phục vụ hoạt động nghề nghiệp (nếu vị trí việc làm yêu cầu).

* **Ghi chú:** Hội đồng tuyển dụng căn cứ vào bảng điểm quá trình đào tạo, bồi dưỡng và ngành hoặc chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng ghi trên bằng tốt nghiệp (cao đẳng, đại học, sau đại học), chứng chỉ, hoặc chứng nhận để xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tham mưu Giám đốc Sở GDĐT xem xét, quyết định đối với những trường hợp được xác định là có ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm của cấp học tương ứng với vị trí việc làm có chỉ tiêu tuyển dụng.

3. Xác định đáp ứng năng lực số, năng lực ngoại ngữ (ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng ngoại ngữ) theo yêu cầu vị trí việc làm

a) Việc xác định ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp

Phương thức tổ chức tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên năm 2026 là thi tuyển: Theo đó, tại vòng 1 người dự tuyển phải tham gia thi phần thi trắc nghiệm trên máy vi tính nên nếu người dự tuyển đạt yêu cầu theo quy định (trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi của vòng 1) thì người dự tuyển được xác định là đáp ứng yêu cầu “Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp”.

b) Việc xác định sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí việc làm

Phương thức tổ chức tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên năm 2026 là thi tuyển: vòng 1 thi trắc nghiệm trên máy tính, nếu người dự tuyển trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho phần thi ngoại ngữ thì người dự tuyển được xác định là đáp ứng yêu cầu “Sử dụng được ngoại ngữ theo vị trí việc làm”.

Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP), điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định 93/2026/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế.

4. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên

4.1. Khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định cụ thể đối tượng hưởng chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo theo từng giai đoạn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ nghiên cứu, báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc thực hiện tuyển dụng theo chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP.

4.2. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển theo quy định tại Điều 6 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP; khoản 1, khoản 3 Điều 6 Nghị định 93/2026/NĐ-CP, cụ thể:

a) Đối tượng 1:

Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: *Được cộng 7,5 điểm*

(bảy phẩy năm điểm) vào kết quả điểm vòng 2 kỳ thi tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên.

b) Đối tượng 2:

Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: *Được cộng 5 điểm (năm điểm) vào kết quả điểm vòng 2 kỳ thi tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên.*

c) Đối tượng 3:

Là người có thời gian làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục đúng vị trí việc làm cần tuyển dụng hoặc giảng dạy, giáo dục ở cấp học, trình độ đào tạo khác nhưng môn học, ngành học giảng dạy phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật (nếu không liên tục và chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần thì được cộng dồn): *Được cộng 5 điểm (năm điểm) vào kết quả điểm vòng 2 kỳ thi tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên.*

d) Đối tượng 4:

Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: *Được cộng 2,5 điểm (hai phẩy năm điểm) vào kết quả điểm vòng 2 kỳ thi tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên.*

đ) Đối tượng 5:

Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: *Được cộng 1,5 điểm (một phẩy năm điểm) vào kết quả vòng 2 kỳ thi tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên.*

Lưu ý: Trường hợp người dự kỳ thi tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên thuộc nhiều diện ưu tiên quy định nêu trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm tại vòng 2 của kỳ thi.

III. TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

1. Người mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

3. Người đã có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ luật Hình sự;

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

IV. PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026: Thi tuyển

1. Hình thức, nội dung thi tuyển

Thi tuyển viên chức giáo viên được thực hiện theo 02 vòng như sau:

a) Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung bằng hình thức trắc nghiệm trên máy vi tính. Nội dung thi gồm 02 phần, cụ thể như sau:

(i) Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết về pháp luật nhà giáo, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành Giáo dục, về vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 60 phút.

(ii) Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm bằng một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc lựa chọn 01 ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 30 phút.

(iii) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại (i) Phần I và (ii) Phần II nêu ở trên; nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

(iv) Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật;

- Có bằng tốt nghiệp chuyên môn, trong đó chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 (theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

b) Vòng 2: Đánh giá năng lực người đăng ký dự tuyển thông qua thực hành sư phạm.

- Hình thức thi: Thực hành giảng dạy.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng thực hành sư phạm theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

- Thời gian thi: Không quá 20 phút (người dự tuyển có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi thi thực hành giảng dạy, không tính vào thời gian thi).

- Thang điểm: 100 điểm.

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức thực hành sư phạm (theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP; khoản 4 Điều 22 Thông tư số 001/2025/TT-BNV).

2. Xác định người trúng tuyển

Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người trúng tuyển là người đạt kết quả thi phần thi kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn (nếu có).

Trường hợp vẫn không xác định được thì Giám đốc Sở GDĐT quyết định người trúng tuyển.

c) Người không được tuyển dụng trong kỳ thi tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên này không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

V. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG, BAN GIÁM SÁT, CÁC BAN, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức

Hội đồng tuyển dụng viên chức được thành lập và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, Điều 4 Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV.

2. Thành lập Ban giám sát

Ban giám sát được thành lập và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 26 Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch

công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV.

3. Thành lập các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng

Hội đồng tuyển dụng quyết định việc thành lập bộ phận giúp việc phù hợp theo quy định tại Điều 5 Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV.

VI. THÔNG BÁO TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

1. Sở GDĐT đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tại liên kết <https://ninhbinh.edu.vn/> và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở GDĐT (là cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên năm 2026 theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

2. Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm:

- Số lượng người làm việc cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm;
- Số lượng vị trí việc làm thực hiện việc thi tuyển;
- Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển;
- Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại di động hoặc cố định của cá nhân, bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Hình thức, nội dung thi tuyển; thời gian và địa điểm thi tuyển.

3. Mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển

Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

4. Hình thức, thời hạn, địa điểm nộp, tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Hội đồng tuyển dụng thông báo theo quy định.

VII. DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

Hội đồng tuyển dụng thông báo theo quy định.

VIII. THỜI GIAN TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

1. Thông báo tuyển dụng viên chức

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch này. Dự kiến trong tháng 6 năm 2026.

2. Thông báo danh sách thí sinh không đủ điều kiện tham dự thi vòng 1; danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1

Dự kiến trong tháng 7 năm 2026.

3. Thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 1

- Thời gian tổ chức thi vòng 1: Dự kiến trong tháng 7, tháng 8 năm 2026.

- Địa điểm tổ chức thi vòng 1: Hội đồng tuyển dụng có thông báo cụ thể địa điểm tổ chức trên Cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT sau khi hoàn thành các thủ tục chuẩn bị cho việc tổ chức thi vòng 1 của kỳ tuyển dụng.

4. Thông báo danh sách thí sinh không đủ điều kiện tham dự thi vòng 2; danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2

Dự kiến trong tháng 7, tháng 8 năm 2026.

5. Thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 2

- Thời gian tổ chức thi vòng 2: Dự kiến trong tháng 8, tháng 9 năm 2026.

- Địa điểm tổ chức thi vòng 2: Hội đồng tuyển dụng có thông báo cụ thể địa điểm tổ chức trên Cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT sau khi hoàn thành các thủ tục chuẩn bị cho việc tổ chức thi vòng 2 của kỳ tuyển dụng.

6. Thông báo kết quả tuyển dụng

Thực hiện theo lịch trình kỳ tuyển dụng được quy định tại Điều 16 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (thông báo công khai quyết định công nhận kết quả tuyển dụng trên Cổng Thông tin điện tử của Sở GDĐT; đồng thời gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký).

7. Thời gian hoàn thành

Dự kiến trong Quý III năm 2026.

IX. HỒ SƠ NỘP SAU KHI CÓ THÔNG BÁO KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 10 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP. Trong đó cần lưu ý:

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP), điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định 93/2026/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

b) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Bản sao các hợp đồng lao động (nếu có) để chứng minh là người có thời gian làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục đúng vị trí việc làm cần tuyển dụng hoặc giảng dạy, giáo dục ở cấp học, trình độ đào tạo khác nhưng môn học, ngành học giảng dạy phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng; đồng thời kèm theo bản ghi (bản chính) quá trình đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật do cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền cung cấp.

2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Giám đốc Sở GDĐT ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Sở GDĐT thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

X. KÝ KẾT HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC VÀ NHẬN VIỆC ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP. Trong đó cần lưu ý:

1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, Giám đốc Sở GDĐT ra quyết định tuyển dụng, đồng thời gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký và đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để biết, thực hiện việc ký hợp đồng làm việc với viên chức.

Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND cấp xã, Sở GDĐT đồng thời gửi quyết định tuyển dụng đến UBND cấp xã để UBND cấp xã quản lý, thực hiện các chính sách, chế độ đối với nhà giáo, viên chức theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về nhà giáo, viên chức.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng viên chức phải đến đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để ký hợp đồng làm việc và nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc Sở GDĐT đồng ý gia hạn.

3. Trường hợp người được tuyển dụng viên chức không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn quy định tại khoản 2 mục X Kế hoạch này thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức báo cáo và đề nghị Sở GDĐT (đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở) hủy bỏ quyết định tuyển dụng, báo cáo và đề nghị UBND cấp xã (đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND cấp xã) đề nghị Sở GDĐT hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2 mục X Kế hoạch này, Giám đốc Sở GDĐT thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT và gửi thông báo tới những người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề (theo thứ tự) so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP hoặc khoản 3 mục X Kế hoạch này để hoàn thiện hồ sơ, ra quyết định tuyển dụng (đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND cấp xã, Sở GDĐT đồng thời gửi quyết định tuyển dụng đến UBND cấp xã để UBND cấp xã quản lý, thực hiện các chính sách,

chế độ đối với viên chức theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về nhà giáo, viên chức) và ký hợp đồng làm việc.

Trường hợp ngay sau kỳ tuyển dụng mà phát sinh nhu cầu tuyển dụng mới đối với vị trí việc làm có yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện như vị trí việc làm mà người dự tuyển đã đăng ký thi trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày phê duyệt kế hoạch của kỳ tuyển dụng, Giám đốc Sở GDĐT xem xét, quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển cho đến khi đủ nhu cầu tuyển dụng phát sinh.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Giám đốc Sở GDĐT quyết định người trúng tuyển theo khoản 2 mục IV Kế hoạch này.

XI. KINH PHÍ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

1. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và các văn bản khác có liên quan.

Mức thu, hình thức thu và thời hạn thu, nộp phí tuyển dụng viên chức sẽ được Hội đồng tuyển dụng viên chức, Sở GDĐT thông báo sau. Trường hợp đủ điều kiện dự tuyển nhưng không nộp phí tuyển dụng sẽ không được tham gia dự tuyển.

2. Kinh phí tuyển dụng

Từ nguồn ngân sách nhà nước cấp/cấp bổ sung năm 2026.

XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN NĂM 2026

1. Các phòng thuộc Sở GDĐT

a) Phòng Tổ chức cán bộ

Là bộ phận thường trực, tham mưu Giám đốc Sở, Hội đồng tuyển dụng tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở GDĐT, các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND cấp xã, tỉnh Ninh Bình năm 2026 bảo đảm theo quy định.

b) Phòng Tài chính

Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ, các cơ quan, đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí đề đề nghị, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và cấp kinh phí tổ chức tuyển dụng; thực hiện quản lý kinh phí tổ chức tuyển dụng; phụ trách công tác thu, nộp lệ phí tuyển dụng theo quy định hiện hành.

c) Văn phòng

Phối hợp Phòng Tổ chức cán bộ niêm yết, đăng tải Kế hoạch, Thông báo tuyển dụng trên Cổng thông tin điện tử của Sở (<https://ninhbinh.edu.vn/>);

chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện bảo đảm khác cho việc tổ chức tuyển dụng viên chức.

Liên hệ, hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình để đăng tải Thông báo tuyển dụng viên chức.

d) Phòng Công tác học sinh, sinh viên

Phối hợp Phòng Tổ chức cán bộ tham mưu, chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng công nghệ, kỹ thuật, giải pháp phần mềm phục vụ công tác tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng và các bộ phận giúp việc của Hội đồng theo quy định.

đ) Phòng Quản lý chất lượng

Phối hợp Phòng Tổ chức cán bộ tham mưu, thực hiện quy trình ra đề thi, in sao đề thi, coi thi, chấm thi của Hội đồng tuyển dụng.

e) Các Phòng Giáo dục mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học, Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở

Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ cử thành phần tham gia Hội đồng tuyển dụng và các bộ phận giúp việc của Hội đồng theo quy định.

2. UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ cử thành phần tham gia Hội đồng tuyển dụng và các bộ phận giúp việc của Hội đồng theo quy định.

Phối hợp với Sở GDĐT hoặc Phòng Tổ chức cán bộ Sở GDĐT trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện kỳ tuyển dụng viên chức bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung Kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm giáo viên tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Sở GDĐT, các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND cấp xã, tỉnh Ninh Bình năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Các Phó Giám đốc;
- Các phòng thuộc Sở;
- UBND các xã, phường;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Tiến Dũng